

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 8 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trường.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST -HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1987;

Bị đơn: Anh Phan Văn S, sinh năm: 1985;

Cùng địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố C, tỉnh D, chị T có mặt, anh S vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn S đăng ký kết hôn ngày 06/10/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S sử dụng các chất gây nghiện và thiếu trách nhiệm với

gia đình. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Thùy được ly hôn anh Phan Văn S.

Về con chung: Chị T và anh S có 03 con chung là cháu Phan Trọng K, sinh ngày 17/01/2007; cháu Phan Thị Thùy T, sinh ngày 08/4/2011 và cháu Phan Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2013. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, cháu T và cháu D, không yêu cầu anh S ưu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phan Văn S không có văn bản trình bày ý kiến.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Văn S
- Về con chung: Giao cháu Phan Trọng K, sinh ngày 17/01/2007; cháu Phan Thị Thùy T, sinh ngày 08/4/2011 và cháu Phan Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phan Văn S cư trú tại thành phố Đ, tỉnh Q nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phan Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn S là tự nguyện và hợp pháp. Hôn nhân phát sinh mâu thuẫn do anh S thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên sử dụng các chất gây nghiện dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Theo trình bày của chị T cũng như xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi anh S và chị T đang sinh sống cho biết: Chị T là thành viên của Chi hội phụ nữ khu phố, cuộc sống gia đình của anh S và chị T có mâu thuẫn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng không tham gia hòa giải. Anh S không có giải pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và cũng không đến phiên tòa điều đó thể hiện anh S đã bỏ mặc cuộc hôn nhân và không mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Văn S.

[3] Về con chung: Chị T và anh S có 03 người con chung là cháu Phan Trọng K, sinh ngày 17/01/2007; cháu Phan Thị Thùy T, sinh ngày 08/4/2011 và cháu Phan Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2013. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, cháu T và cháu D, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Các con chung của anh S và chị T đã trên 07 tuổi, cháu K có nguyện vọng được ở cùng mẹ, cháu T, D có nguyện vọng được ở cùng bố và mẹ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh S không có ý kiến thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình về phần con chung. Anh S không có nghề nghiệp ổn định và cũng không có mặt tại phiên tòa. Chị T hiện có công việc ổn định, thu nhập đảm bảo điều kiện để nuôi con. Xét thấy, để đảm bảo ổn định về tâm lý và sự phát triển toàn diện của các cháu, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của bà mẹ và trẻ em. Vì vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Phan Trọng K, sinh ngày 17/01/2007; cháu Phan Thị Thùy T, sinh ngày 08/4/2011 và cháu Phan Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2013.

[4] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn S (*Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2006, ngày 06/10/2006*).

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Trọng K, sinh ngày 17/01/2007; cháu Phan Thị Thùy T, sinh ngày 08/4/2011 và cháu Phan Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2013. Anh SỬ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Văn S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở thực hiện quyền này.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0001151 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND Phường 2, TP. Đông Hà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Vũ Xuân